



Nghệ An, ngày 19 tháng 7 năm 2025

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2025 - ĐỢT CHÍNH THỨC

Ngành/Nghề: **Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc (hệ 6 năm)**

Trình độ: **Trung cấp**

Đợt TS: **2025 - đợt 1 (hệ 6 năm)**

Hình thức: **Chính quy**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	KV	ĐT	Điểm Thăm âm - Tiết tấu	Điểm Chuyên ngành	Điểm ưu tiên ĐT	Điểm ưu tiên KV	Tổng điểm	Trúng tuyển	Ghi chú
1	TC2025/CT_278	Lưu Bảo An	Nữ	31/8/2015	Nghệ An		KV2		8.00	8.00	0	0.25	24.25		
2	TC2025/CT_279	Phạm Khánh An	Nữ	18/11/2015	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25		
3	TC2025/CT_280	Bùi Minh Anh	Nữ	19/5/2015	Nghệ An		KV2		0	0	0	0	0		
4	TC2025/CT_281	Hoàng Nguyễn Minh Anh	Nữ	04/12/2014	Nghệ An		KV2		7.00	8.00	0	0.25	23.25		
5	TC2025/CT_282	Lê Bảo Anh	Nữ	20/01/2014	Nghệ An		KV2		5.50	7.50	0	0.25	20.75		
6	TC2025/CT_283	Lê Hoàng Anh	Nam	27/7/2015	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25		
7	TC2025/CT_284	Lê Phạm Thuý Anh	Nữ	04/3/2015	Nghệ An		KV2		6.50	6.00	0	0.25	18.75		
8	TC2025/CT_285	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	10/8/2015	Nghệ An		KV2		7.00	6.00	0	0.25	19.25		
9	TC2025/CT_286	Nguyễn Thục Anh	Nữ	04/6/2011	Nghệ An		KV2		5.00	5.00	0	0.25	15.25		
10	TC2025/CT_287	Nguyễn Trang Anh	Nữ	15/5/2015	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75		
11	TC2025/CT_288	Nguyễn Trần Linh Anh	Nữ	24/6/2015	Nghệ An		KV2		8.00	8.00	0	0.25	24.25		
12	TC2025/CT_290	Tạ Trúc Linh Anh	Nữ	17/11/2016	Nghệ An		KV2		5.00	6.00	0	0.25	17.25		
13	TC2025/CT_291	Trần Hoài Anh	Nữ	20/11/2017	Nghệ An		KV2		7.00	7.50	0	0.25	22.25		

BAN M.

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	KV	ĐT	Điểm Thăm âm - Tiết tấu	Điểm Chuyên ngành	Điểm ưu tiên ĐT	Điểm ưu tiên KV	Tổng điểm	Trúng tuyển	Ghi chú
14	TC2025/CT_292	Tôn Nữ Bảo Châu	Nữ	02/01/2016	Nghệ An		KV2		7.00	7.50	0	0.25	22.25		
15	TC2025/CT_293	Cao Nguyễn Đan Chi	Nữ	06/6/2013	Nghệ An		KV2		6.00	7.50	0	0.25	21.25		
16	TC2025/CT_294	Mai Quỳnh Chi	Nữ	29/3/2014	Nghệ An		KV2		6.00	6.00	0	0.25	18.25		
17	TC2025/CT_296	Nguyễn Lâm Quế Chi	Nữ	13/11/2016	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75		
18	TC2025/CT_295	Nguyễn Phương Chi	Nữ	08/3/2016	Nghệ An		KV2		7.00	5.00	0	0.25	17.25		
19	TC2025/CT_297	Nguyễn Quỳnh Chi	Nữ	08/11/2014	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75		
20	TC2025/CT_298	Nguyễn Quỳnh Chi	Nữ	15/3/2013	Hà Nội		KV2		7.00	6.50	0	0.25	20.25		
21	TC2025/CT_299	Võ Thuý Chi	Nữ	12/10/2015	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25		
22	TC2025/CT_300	Bùi Nguyễn Hân Di	Nữ	17/3/2014	Hà Tĩnh		KV2		5.00	5.00	0	0.25	15.25		
23	TC2025/CT_301	Nguyễn Ngọc Diệp	Nữ	08/9/2014	Nghệ An		KV2		6.00	8.00	0	0.25	22.25		
24	TC2025/CT_302	Thái Linh Diệp	Nữ	27/7/2014	Nghệ An		KV2		8.50	7.00	0	0.25	22.75		
25	TC2025/CT_303	Dương Kỳ Diệu	Nữ	06/02/2014	Nghệ An		KV2		6.00	7.50	0	0.25	21.25		
26	TC2025/CT_304	Trần Lê Khánh Đan	Nữ	28/02/2012	Nghệ An		KV2		6.50	9.00	0	0.25	24.75		
27	TC2025/CT_305	Phạm Quỳnh Giang	Nữ	29/01/2016	Nghệ An		KV2		6.50	6.50	0	0.25	19.75		
28	TC2025/CT_306	Đào Bùi Ngọc Hà	Nữ	17/4/2016	Nghệ An		KV2		7.00	6.50	0	0.25	20.25		
29	TC2025/CT_307	Lê Ngân Hà	Nữ	08/10/2012	Nghệ An		KV2		8.00	7.00	0	0.25	22.25		
30	TC2025/CT_308	Trần Nguyễn Thanh Hà	Nữ	16/7/2016	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25		
31	TC2025/CT_309	Lê Hoàng Gia Hân	Nữ	01/12/2013	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75		

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	KV	ĐT	Điểm Thăm âm - Tiết tấu	Điểm Chuyên ngành	Điểm ưu tiên ĐT	Điểm ưu tiên KV	Tổng điểm	Trúng tuyển	Ghi chú
32	TC2025/CT_310	Lê Thái Gia Hân	Nữ	26/10/2016	Nghệ An		KV2		6.00	7.00	0	0.25	20.25		
33	TC2025/CT_311	Thái Ngọc Hân	Nữ	03/6/2016	Nghệ An		KV2		8.00	8.50	0	0.25	25.25		
34	TC2025/CT_312	Trương Thái Hoà	Nữ	16/3/2015	Nghệ An		KV2		8.50	8.50	0	0.25	25.75		
35	TC2025/CT_313	Đào Bùi Ngọc Huyền	Nữ	13/12/2013	Nghệ An		KV2		5.00	6.00	0	0.25	17.25		
36	TC2025/CT_314	Nguyễn Ngọc Huyền	Nữ	04/01/2016	Nghệ An		KV2		7.50	8.00	0	0.25	23.75		
37	TC2025/CT_315	Nguyễn Uyên Khanh	Nữ	22/02/2016	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25		
38	TC2025/CT_316	Hoàng Văn Khánh	Nữ	28/5/2014	Nghệ An		KV2		6.00	7.00	0	0.25	20.25		
39	TC2025/CT_317	Nguyễn Kim Khánh	Nữ	25/9/2014	Nghệ An		KV2		5.00	6.00	0	0.25	17.25		
40	TC2025/CT_318	Trần Đan Lê	Nữ	07/01/2015	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25		
41	TC2025/CT_319	Nguyễn Thị Hồng Liên	Nữ	22/02/2016	Nghệ An		KV2		6.00	6.00	0	0.25	18.25		
42	TC2025/CT_320	Đặng Phan Nhật Linh	Nữ	20/3/2016	Nghệ An		KV2		6.00	7.00	0	0.25	20.25		
43	TC2025/CT_322	Hồ Hà Linh	Nữ	02/9/2013	Nghệ An		KV2		5.50	7.50	0	0.25	20.75		
44	TC2025/CT_321	Hoàng Phương Linh	Nữ	02/01/2015	Nghệ An		KV2		7.00	6.50	0	0.25	20.25		
45	TC2025/CT_323	Trần Hà Linh	Nữ	21/7/2012	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25		
46	TC2025/CT_324	Cao Hiền Long	Nam	01/12/2015	Nghệ An		KV2		7.00	8.00	0	0.25	23.25		
47	TC2025/CT_325	Lê Mai Khánh Ly	Nữ	26/9/2013	Nghệ An		KV2		0	0	0	0	0		
48	TC2025/CT_326	Lê Hải Miên	Nữ	29/5/2015	Nghệ An		KV2		6.00	6.50	0	0.25	19.25		
49	TC2025/CT_327	Lều Thảo Minh	Nữ	01/10/2014	Nghệ An		KV2		5.00	5.50	0	0.25	16.25		



TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	KV	ĐT	Điểm Thăm âm - Tiết tấu	Điểm Chuyên ngành	Điểm ưu tiên ĐT	Điểm ưu tiên KV	Tổng điểm	Trúng tuyển	Ghi chú
50	TC2025/CT_328	Trần Quang Minh	Nam	23/4/2012	Nghệ An		KV2		8.00	9.00	0	0.25	26.25		
51	TC2025/CT_329	Lê Thảo My	Nữ	04/10/2016	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75		
52	TC2025/CT_330	Nguyễn Hà My	Nữ	29/6/2016	Nghệ An		KV2		6.50	6.50	0	0.25	19.75		
53	TC2025/CT_331	Võ Huyền My	Nữ	16/6/2016	Nghệ An		KV2		8.00	8.50	0	0.25	25.25		
54	TC2025/CT_332	Bùi Nguyễn An Na	Nữ	01/11/2015	Hà Tĩnh		KV2		7.00	7.00	0	0.25	21.25		
55	TC2025/CT_333	Đặng Hoàng Ngân	Nữ	20/8/2012	Nghệ An		KV2		5.50	9.00	0	0.25	23.75		
56	TC2025/CT_334	Hoàng Kim Ngân	Nữ	27/4/2016	Nghệ An		KV2		7.00	8.50	0	0.25	24.25		
57	TC2025/CT_335	Đậu Nguyễn Khánh Ngọc	Nữ	02/8/2013	Nghệ An		KV2		6.00	8.00	0	0.25	22.25		
58	TC2025/CT_336	Nguyễn Khánh Ngọc	Nữ	03/11/2015	Nghệ An		KV2		7.50	8.50	0	0.25	24.75		
59	TC2025/CT_337	Nguyễn Minh Ngọc	Nữ	01/11/2016	Nghệ An		KV2		8.00	7.00	0	0.25	22.25		
60	TC2025/CT_338	Dương Thảo Nguyên	Nữ	14/12/2016	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75		
61	TC2025/CT_339	Nguyễn Thảo Nguyên	Nữ	09/01/2016	Nghệ An		KV2		6.00	5.00	0	0.25	16.25		
62	TC2025/CT_340	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	Nữ	11/11/2016	Nghệ An		KV2		6.50	7.00	0	0.25	20.75		
63	TC2025/CT_341	Nguyễn Ngọc Nhi	Nữ	18/3/2016	Nghệ An		KV2		6.50	6.00	0	0.25	18.75		
64	TC2025/CT_342	Nguyễn Thị Thảo Nhi	Nữ	17/5/2014	Nghệ An		KV2		6.00	7.00	0	0.25	20.25		
65	TC2025/CT_343	Nguyễn Tuệ Nhi	Nữ	30/6/2016	Nghệ An		KV2		7.00	7.50	0	0.25	22.25		
66	TC2025/CT_344	Trần Lê Thảo Nhi	Nữ	07/6/2013	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75		
67	TC2025/CT_345	Lê Nguyễn An Nhiên	Nữ	01/3/2014	Nghệ An		KV2		7.50	8.00	0	0.25	23.75		

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	KV	ĐT	Điểm Thăm âm - Tiết tấu	Điểm Chuyên ngành	Điểm ưu tiên ĐT	Điểm ưu tiên KV	Tổng điểm	Trúng tuyển	Ghi chú
68	TC2025/CT_346	Phan Thị An Nhiên	Nữ	11/4/2016	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25		
69	TC2025/CT_347	Đặng Ngọc Hà Phương	Nữ	26/8/2012	Nghệ An		KV2		6.00	7.50	0	0.25	21.25		
70	TC2025/CT_348	Lê Trần Nhã Phương	Nữ	21/01/2015	Nghệ An		KV2		6.00	7.00	0	0.25	20.25		
71	TC2025/CT_349	Nguyễn Hà Phương	Nữ	24/3/2012	Nghệ An		KV2		7.00	8.00	0	0.25	23.25		
72	TC2025/CT_350	Nguyễn Thị Hà Phương	Nữ	24/8/2015	Nghệ An		KV2		6.00	7.00	0	0.25	20.25		
73	TC2025/CT_351	Quế Minh Phương	Nữ	04/11/2016	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75		
74	TC2025/CT_352	Cù Thị Diễm Quỳnh	Nữ	19/02/2016	Nghệ An		KV2		7.50	8.00	0	0.25	23.75		
75	TC2025/CT_353	Trần Lê Linh San	Nữ	28/02/2012	Nghệ An		KV2		6.00	9.00	0	0.25	24.25		
76	TC2025/CT_354	Nguyễn Minh Tâm	Nữ	17/4/2016	Nghệ An		KV2		7.00	8.00	0	0.25	23.25		
77	TC2025/CT_355	Lê Hồng Thanh	Nữ	25/8/2014	Nghệ An		KV2		6.00	7.00	0	0.25	20.25		
78	TC2025/CT_356	Lê Phương Thảo	Nữ	03/7/2014	Nghệ An		KV2		6.00	7.00	0	0.25	20.25		
79	TC2025/CT_360	Ngụy Ngô Thiên Thư	Nữ	30/01/2016	Nghệ An		KV2		6.00	6.50	0	0.25	19.25		
80	TC2025/CT_358	Nguyễn Lê Minh Thư	Nữ	27/9/2016	Nghệ An		KV2		6.50	7.00	0	0.25	20.75		
81	TC2025/CT_359	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	13/01/2015	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25		
82	TC2025/CT_361	Võ Minh Thư	Nữ	06/4/2016	Nghệ An		KV2		8.00	7.50	0	0.25	23.25		
83	TC2025/CT_362	Lê Nữ Hoài Thương	Nữ	20/3/2015	Hà Tĩnh		KV2		7.00	7.00	0	0.25	21.25		
84	TC2025/CT_357	Lang Nguyễn Ngọc Thuận	Nữ	17/3/2016	Nghệ An		KV2		8.00	7.00	0	0.25	22.25		
85	TC2025/CT_363	Nguyễn Lãnh Bảo Trang	Nữ	11/3/2013	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75		

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	KV	ĐT	Điểm Thăm âm - Tiết tấu	Điểm Chuyên ngành	Điểm ưu tiên ĐT	Điểm ưu tiên KV	Tổng điểm	Trúng tuyển	Ghi chú
86	TC2025/CT_364	Nguyễn Văn Trang	Nữ	19/10/2014	Nghệ An		KV2		6.50	6.50	0	0.25	19.75		
87	TC2025/CT_365	Hoàng Thị Phương Trà	Nữ	02/11/2015	Nghệ An		KV2		0	0	0	0	0		
88	TC2025/CT_366	Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	22/01/2014	Nghệ An		KV2		6.00	6.50	0	0.25	19.25		
89	TC2025/CT_369	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	Nữ	05/7/2015	Nghệ An		KV2		0	0	0	0	0		
90	TC2025/CT_367	Phạm Hồng Bảo Trâm	Nữ	05/8/2015	Nghệ An		KV2		6.00	7.50	0	0.25	21.25		
91	TC2025/CT_368	Ngô Minh Bảo Trân	Nữ	26/6/2016	Nghệ An		KV2		5.50	7.50	0	0.25	20.75		
92	TC2025/CT_370	Nguyễn Thị Bảo Trân	Nữ	14/9/2012	Nghệ An		KV2		6.00	7.50	0	0.25	21.25		
93	TC2025/CT_371	Nguyễn Thị Phương Trinh	Nữ	16/01/2014	Nghệ An		KV2		5.50	8.00	0	0.25	21.75		
94	TC2025/CT_372	Nguyễn Nhã Uyên	Nữ	15/5/2016	Nghệ An		KV2		0	0	0	0	0		
95	TC2025/CT_373	Âu Ngọc Khánh Vy	Nữ	02/01/2016	Nghệ An		KV2		8.00	8.00	0	0.25	24.25		
96	TC2025/CT_374	Cao Nguyễn Khánh Vy	Nữ	07/4/2016	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75		
97	TC2025/CT_375	Nguyễn Thị Tường Vy	Nữ	02/10/2016	Nghệ An		KV2		7.00	7.00	0	0.25	21.25		
98	TC2025/CT_376	Nguyễn Tường Vy	Nữ	13/8/2016	Nghệ An		KV2		7.00	7.50	0	0.25	22.25		
99	TC2025/CT_377	Hoàng Hải Yến	Nữ	04/11/2011	Nghệ An		KV2		5.00	7.00	0	0.25	19.25		
100	TC2025/CT_378	Vũ Hoàng Yến	Nữ	27/11/2016	Nghệ An		KV2		7.50	7.50	0	0.25	22.75		

Ghi chú: Điểm đã nhân hệ số môn Chuyên ngành, Hình họa.

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH NĂM 2025